

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2021/DS-ST

Ngày: 27-5-2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp
hụi và vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Chót

- Ông Dương Văn Hai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST – DS ngày 14/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Phan Thị S, sinh năm 1951, địa chỉ: 60/2 ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Bị đơn: chị Võ Thị L (L), sinh năm 1981; anh Lê Văn L, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: 55/2 ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh L ủy quyền cho chị L tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Phan Thị S trình bày:

Từ năm 2016 bà có làm chủ hụi, chị L có tham gia 05 dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: hụi khai ngày 25/3/2016 (âm lịch). Tổng số phần hụi là 25; mỗi phần hụi là 1.000.000 đồng; chị L tham gia 01 phần. Đến tháng 11/2016 (âm lịch) chị L kêu và hốt hụi; bà giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi chị L còn nợ lại bà số tiền hụi chết là 2.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: hụi khai ngày 15/6/2016 (âm lịch). Tổng số phần hụi là 25; mỗi

phần hụi là 500.000 đồng; chị L tham gia 01 phần. Đến tháng 11/2016 (âm lịch) chị L kêu và hốt hụi; bà giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi chị L còn nợ lại bà số tiền hụi chết là 2.500.000 đồng.

- Dây thứ ba: hụi khai ngày 01/10/2017 (âm lịch). Tổng số phần hụi là 21; mỗi phần hụi là 1.000.000 đồng; chị L tham gia 02 phần. Đến ngày 01/10/2017 (âm lịch) chị L kêu và hốt hụi 01 phần; bà giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi chị L còn nợ lại bà số tiền hụi chết là 17.000.000 đồng; phần hụi còn lại vào tháng 01/2018 (âm lịch) chị L kêu và hốt hụi (nhưng vào tháng 11 và tháng 12 năm 2017 chị L vẫn không đóng tiền hụi) nên tổng cộng hai phần hụi này chị L còn nợ lại bà số tiền 34.000.000 đồng.

- Dây thứ tư: hụi khai ngày 10/7/2017 (âm lịch). Tổng số phần hụi là 26; mỗi phần hụi là 500.000 đồng; chị L tham gia 01 phần. Đến tháng 12/2017 (âm lịch) chị L kêu và hốt hụi; bà giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi chị L còn nợ lại bà số tiền hụi chết là 10.000.000 đồng.

- Dây thứ năm: hụi khai ngày 20/02/2017 (âm lịch). Tổng số phần hụi là 22; mỗi phần hụi là 1.000.000 đồng; chị L tham gia 02 phần. Đến tháng 3/2017 (âm lịch) chị L kêu và hốt hụi 01 phần; bà giao tiền hụi đầy đủ. Sau khi hốt hụi chị L còn nợ lại bà số tiền hụi chết là 10.000.000 đồng; phần hụi còn lại vào tháng 7/2017 (âm lịch) chị L kêu và hốt hụi. Tổng cộng hai phần hụi này chị L còn nợ lại bà số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra chị L có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất vay.

Tổng cộng 05 dây hụi và tiền vay thì chị L nợ bà tổng cộng là 68.500.000 đồng sau đó chị L có trả cho bà nhiều lần được số tiền 28.000.000 đồng do đó hiện nay chị L còn nợ lại bà số tiền 40.500.000 đồng. Do việc chơi hụi và vay tiền là để phục vụ kinh tế chung trong gia đình nên anh L là chồng của chị L cũng biết việc này. Nay bà khởi kiện yêu cầu chị L và anh L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 40.500.000 đồng; trả 01 lần.

Theo nội dung Bản tự khai ngày 29/4/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Võ Thị L trình bày: chị thừa nhận việc chơi hụi và vay tiền đúng như bà S trình bày. Do hiện giờ hoàn cảnh kinh tế gia đình chị quá khó khăn, hiện nay chị còn nợ rất nhiều người; anh L là chồng chị bị bệnh huyết áp không lao động được. Do đó qua yêu cầu khởi kiện của bà S chị đồng ý liên đới với anh L để trả cho bà S số tiền 40.500.000 đồng nhưng có yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Võ Thị L và Lê Văn L hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 55/2 ấp Đại Thôn, xã Thanh Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: bà Phan Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Võ Thị L và anh Lê Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S số tiền 40.500.000 đồng. Chị L đồng ý liên đới với anh L để trả cho bà S số tiền 40.500.000 đồng nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà S xét thấy: hợp đồng góp hụi và vay tài sản giữa bà S và chị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 122 và Điều 471, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Chứng cứ là sự thừa nhận của chị L đồng thời được sự ủy quyền của anh L về việc hiện nay chị L và anh L còn nợ bà S số tiền 40.500.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện chị L, anh L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó việc bà Phan Thị S yêu cầu chị Võ Thị L Và anh Lê Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị S số tiền 40.500.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu trả nợ dần của chị L, xét thấy: chị L, anh L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà S trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S; mặc khác chị L không chứng minh được gia đình đang gặp khó khăn và bà S không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của chị L. Do đó yêu cầu trả nợ dần của chị L không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Chị Võ Thị L và anh Lê Văn L phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 40.500.000 đồng x 5% = 2.025.000 đồng.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí, lệ phí của Tòa án; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ quy định về họ, họ, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị S. Buộc chị Võ Thị L và anh Lê Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị S số tiền là 40.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị L và anh Lê Văn L có nghĩa vụ liên đới chịu 2.025.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Mơ-Nguyễn Văn Chót

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Vân

